TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Ông Mai Văn Tài;

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Néang Chanh Pô P, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 2, khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Chau Sóc K, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Người phiên dịch: Ông Chau Pho Ly – Chức vụ: Giáo viên Trường trung cấp nghề Dân Tộc nội trú tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn Chị Néang Chanh Pô P trình bày: Vào năm 2019 chị và anh K quen biết nhau do qua mai mối, nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 47/2019, ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri

Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cải vả, nên anh K đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị P yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị P và anh K thống nhất có một con chung tên Néang Chanh SoRi Y, sinh ngày 02/10/2020. Chị P yêu cầu được nuôi dạy cháu Y và chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn Chau Sóc K trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị P về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nhưng riêng về mâu thuẫn thì anh không thống nhất vì anh cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn từ tháng 8/2022 chứ không phải từ năm 2021, mặc dù vợ chồng có cự cải với nhau nhưng chủ yếu về vấn đề anh yêu cầu vợ chồng đi làm ăn riêng nhưng vợ muốn buôn bán tiếp mẹ vợ nên anh đã đi về nhà mẹ ruột anh sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Anh K thống nhất có một con chung tên Néang Chanh So Ri Y, sinh ngày 02/10/2020. Anh đồng ý giao cháu Y cho chị P nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con do chi P không yêu cầu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thời gian mâu thuẫn bà xác định là năm 2021, không phải năm 2022 nên trước đây chị đã từng nộp đơn ly hôn ông K tại Tòa án. Hiện tại cháu Y đang do chị nuôi dưỡng.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh K.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy

nhiên bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Néang Chanh Pô P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chau Sóc K có địa chỉ tại tổ 3, ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị P và anh K quen biết nhau do qua mai mối, có tổ chức lễ cưới nên cả hai có đăng ký kết hôn số 47/2019, ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, do đó đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình.

Theo Chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cải vả, nên anh K đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, trước đây chị cũng đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Còn theo ông K thì chỉ thừa nhận vợ chồng có thường xuyên cải vả nhưng chỉ về vấn đề do vợ đòi tiếp buôn bán với mẹ mà không chịu đi ra làm ăn riêng với chồng nên vợ chồng mới ly thân. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại khóm 3 thị trấn Tri Tôn và ấp Tô Thuận xã Núi Tô thì địa phương cho biết anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn. Trong thời gian vợ chồng chị P chung sống thì không thấy trình báo về mâu thuẫn hôn nhân cho địa phương biết nhưng địa phương chỉ biết hiện tại anh K không còn chung sống với chị P tại nhà mẹ vợ nữa cũng đã lâu còn cụ thể từ thời điểm nào thì địa phương không biết. Chỉ biết hiện tại anh K không còn sinh sống tại địa phương và anh đã đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ thời điểm nào và anh đi đâu, làm gì cụ thể thì địa phương không rõ do khi đi thì anh K không trình báo địa phương biết.

Do vợ chồng phải có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cải về vấn đề công việc chồng đòi đi làm ăn riêng đến nay vẫn không giải quyết được nên cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, chị P đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay thì thời gian mâu thuẫn

đủ dài, đồng thời anh K dù đã được tống đạt hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên Tòa cho thấy mâu thuẫn cả hai vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn được tình cảm gia đình.

Cho thấy tình trạng vợ chồng giữa chị P và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị P. Xét, cho chị P ly hôn với anh K là phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Néang Chanh Pô P và anh Chau Sóc K đồng thống nhất có một con chung tên Néang Chanh So Ri Y, sinh ngày 02/10/2020.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2022 anh K đồng ý giao cháu Y cho chị P tiếp tục nuôi dạy và anh K không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời hiện tại cháu Y chị P đang nuôi dưỡng.

Xét, Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung. Chị P được tiếp tục nuôi dạy Néang Chanh So Ri Y, sinh ngày 02/10/2020, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh K cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Chị P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Anh K không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Néang Chanh Pô P

Về hôn nhân: Chị Néang Chanh Pô P được ly hôn với anh Chau Sóc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2019, ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung. Chị P được tiếp tục nuôi dạy cháu Néang Chanh So Ri Y, sinh ngày 02/10/2020 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Néang Chanh Pô P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002535 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Anh K không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền